

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020.

V/v tranh chấp về hôn nhân - gia
đình ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phát Triền.

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14/01/2020 “V/v tranh chấp về hôn nhân - gia đình ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 216/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị Lệ T - *Sinh năm:* 1985; Địa chỉ: ấp TL, xã PH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Lê Hữu N - *Sinh năm:* 1986; Địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị Lệ T trình bày: Vào năm 2012 Võ Thị Lệ T và Lê Hữu N kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp, ngày 30/11/2015. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau Lê Hữu N dùng những lời lẽ tục tiểu chửi mắng Võ Thị Lệ T, không lo làm ăn thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi, mỗi lần đi chơi thì đi bốn năm ngày không về, khi hết tiền tiêu xài thì Lê Hữu N bảo Võ Thị Lệ T đưa, nếu không đưa tiền thì Lê Hữu N đuổi ra khỏi nhà hoặc đe dọa đòi giết, khoảng tháng 9/2019 Võ Thị Lệ T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống, nhưng Lê Hữu N đã qua nhà mẹ vợ gây sự, Võ Thị Lệ T đã báo Công an xã Phong Hòa, nhưng Công an xã chưa lên thì Lê Hữu N đã bỏ về, do

vậy Công an xã không có lập biên bản, nên tháng 10/2019 Võ Thị Lệ T có nộp đơn tại Tòa án yêu cầu xin ly hôn với Lê Hữu N, nhưng Võ Thị Lệ T đã rút đơn khỏi kiện cho Lê Hữu N cơ hội sửa đổi, nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Nay Võ Thị Lệ T yêu cầu được ly hôn với Lê Hữu N; Về con chung Võ Thị Lệ T và Lê Hữu N có một con chung là Lê Minh Quang sinh ngày 01/4/2015 từ khi ly thân đến nay chị Trinh là người trực tiếp nuôi cháu Quang, nay chị Trinh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con và không yêu cầu Lê Hữu N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn Lê Hữu N trình bày: Theo lời trình bày của Võ Thị Lệ T là đúng về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, vợ chồng có một con chung là Lê Minh Quang sinh ngày 01/4/2015. Nay anh Lê Hữu N đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Lệ T; Về con chung Lê Hữu N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu Võ Thị Lệ T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Võ Thị Lệ T và Lê Hữu N kết hôn năm 2015, đến ngày 30/11/2015 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện LVg, tỉnh Đồng Tháp, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống có nhiều lần mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Từ đó, Võ Thị Lệ T yêu cầu ly hôn với Lê Hữu N. Yêu cầu này của Võ Thị Lệ T được Lê Hữu N chấp nhận. Xét sự tự nguyện của Lê Hữu N là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên được chấp nhận phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Võ Thị Lệ T với Lê Hữu N có con tên Lê Minh Quang sinh ngày 01/4/2015 đang do Võ Thị Lệ T nuôi dưỡng. Võ Thị Lệ T và Lê Hữu N đều có yêu cầu được nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của Lê Hữu N là không có cơ sở chấp nhận, vì Lê Minh Quang hiện nay đang do Võ Thị Lệ T nuôi dưỡng và hiện tại chị Võ Thị Lệ T đã chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lê Minh Quang chu đáo và phát triển bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con của Võ Thị Lệ T là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Lê Hữu N không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nhưng Võ Thị Lệ T không yêu cầu Lê Hữu N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Võ Thị Lệ T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Võ Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Võ Thị Lệ T và Lê Hữu N thuận tình ly hôn.
2. Về con chung và cấp dưỡng: Võ Thị Lệ T được quyền tiếp tục nuôi con là Lê Minh Quang, sinh ngày 01/4/2015. Võ Thị Lệ T không yêu cầu Lê Hữu N cấp dưỡng nuôi con.

Võ Thị Lệ T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Lê Hữu N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Võ Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000007, ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Võ Thị Lệ T đã nộp xong).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/5/2020).

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- UBND xã ĐH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Cẩm Nhung